TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 20/02/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Nguyễn Văn Đức.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2023 và ngày 20/02/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/TLST-HS, ngày 03/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HS, ngày 03/12/2022, Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2023/HSST-QĐ ngày 03/01/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2023/HSST-QĐ ngày 17/01/2023 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên Bí thư - Trưởng thôn D); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Miêng và con bà Vương Văn Xừ; có vợ: Trần Thị Hiện; có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tạm từ ngày 12/02/2022 đến ngày 02/8/2022 được hủy bỏ biện pháp "tạm giam" áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại ở địa phương (có mặt).

2. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên thủ quỹ thôn D); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Du và con bà Dương Thị Toan; có vợ: Nguyễn Thị Xuyến; có 03 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại ở địa phương (có mặt).

3. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên phó kế toán thôn D); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Phong và con bà Nguyễn Thị Bốn; có vợ: Nguyễn Thị Luyến; có 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại ở địa phương (có mặt).

* Bị hại:

- Ông Hoàng T M, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1984 nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B. Người đại diện theo uỷ quyền của ông B: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B (có mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ban quản lý thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B do ông Nguyễn Văn Định - Trưởng thôn làm đại diện (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra, xác M nội dung kiến nghị khởi tố theo công văn kiến nghị khởi tố ngày 10/11/2021 của Công an xã D, huyện T, tỉnh B đã phát hiện Chi bộ, Ban quản lý thôn D, xã D có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc bán đất trái thẩm quyền cho ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1984 và ông Hoàng T M, sinh năm 1967 cùng trú tại thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B. Cụ thể nội dung như sau:

Ban quản lý thôn D, xã D giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020 gồm có Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn D và Phan Thị Thảo, sinh năm 1989; cùng trú tại: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Bắc. Trong đó: B là Bí thư kiêm trưởng thôn D từ năm 2011 đến năm 2020. P là kế toán từ năm 2012 đến năm 2020. D là thủ quỹ từ năm 2011 đến năm 2018. Thảo là thủ quỹ từ năm 2018 đến năm 2020. Trong giai đoạn từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2016, Ban quản lý thôn D đang triển khai việc xây dựng mở rộng đường nông thôn trong thôn, dự kiến mở rộng đường từ 04 m thành đường rộng 07 m. Khi thực hiện dự án gặp vướng mắc phần đường dự kiến xây dựng cải tạo có đi qua phần diện tích đất ở nhà ông B và ông M. Để giải quyết vướng mắc, B đã tổ chức cuộc họp chi bộ, dân chính đảng vào ngày 09/12/2015, 05/01/2016 và ra Nghị quyết thống nhất mở rộng đường lấn vào phần diện tích đất ở nhà ông B và ông M, thuyết phục ông B, ông M đồng ý phương án mở rộng đường và thỏa thuận giao bán đất sân kho thôn D để nối vào phần đất còn lại của nhà ông

M, ông B với giá 4.000.000 đồng/m^2. Ông B, ông M đồng ý. Sau đó, Ban quản lý thôn D đã thống nhất giao bán cho ông M 88m^2 với giá 390.000.000 đồng, bán cho ông B 50m^2 với giá 200.000.000 đồng. Đến nay, ông B và ông M đã nộp đủ tiền cho Bản quản lý (BQL) thôn D, cụ thể: BQL thôn D đã thu tiền của ông M thông qua phiếu thu tiền ngày 21/6/2018 số tiền 390.000.000 đồng (có chữ ký của B, P và Thảo). BQL thôn D đã thu tiền của ông B thông qua các phiếu thu: Phiếu thu tiền ngày 21/01/2016 số tiền 80.000.000 đồng (có chữ ký của B, P và D); Phiếu thu tiền ngày 02/10/2016 số tiền 50.000.000 đồng (có chữ ký của B, P và D; Phiếu Thu Tiền ngày 20/4/2018 số tiền 20.000.000 đồng (có chữ ký của B, P và Thảo); Phiếu thu tiền ngày 21/06/2018 số tiền 50.000.000 đồng (có chữ ký của B, P và Thảo). Sau khi thu được số tiền nêu trên, BQL thôn D đã T hành nhập vào quỹ thôn D.

Sau khi thu được 80.000.000 đồng của ông B nộp ngày 21/01/2016, Ban quản lý thôn gồm có B, D và ông Nguyễn Văn Huấn, sinh năm 1955; trú tại: Thôn D xã D, huyện T, tỉnh B (đại diện ban xây dựng thôn D) và ông Trần Đức Kiên, sinh năm 1975; trú tại: Thôn Xuân Lê, xã D, huyện T, tỉnh B (là cán bộ giúp việc địa chính xã D) tham gia giao đất cho nhà ông B và ông M. Quá trình giao đất chỉ đo đạc, cắm mốc mà không có biên bản giao đất. Sau đó, gia đình ông B đã xây dựng nhà năm 2016, gia đình ông M đã xây dựng nhà xong năm 2018. Sau khi nộp xong đủ tiền, gia đình ông M và ông B đã làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất đối với phần diện tích đất mua thêm và đưa cho B. Sau đó, B có nộp hồ sơ cho ông Dương Công Hiên, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Doãn Thượng, xã D, huyện T, tỉnh B (là cán bộ địa chính xã D). Sau khi tiếp nhận hồ sơ ông Hiên báo cáo Đảng ủy xã D, huyện T. Vì vậy, ngày 15/9/2020, UBND xã D, huyện T có công văn số 36, chỉ đạo ban chi ủy, BQL thôn D xác định rõ diện tích bán đất trái thẩm quyền cho ông B, ông M có đủ kiền kiện cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất hay không, nếu không đủ điều kiện yêu cầu trả lại số tiền bán đất đã thu và trả lại nguyên trạng ban đầu của đất. Sau đó, ông Hiên có cử ông Kiên xuống để đưa đơn vị đo đạc xác định diện tích, hiện trạng đất. Do kiểm tra hiện trạng đất thấy không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất nên ông Hiên đã tạm dừng việc làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất. Đến nay, gia đình ông B và ông M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất đối với diện tích đất này.

Ngày 03/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T có Công văn 135 gửi P tài nguyên môi trường huyện T để xác định về diện tích đất của ông M và ông B được bán trái thẩm quyền có phù hợp quy hoạch đất ở và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất không? Ngày 07/01/2022, P tài nguyên môi trường huyện T có công văn số 04 trả lời như sau:

Về quy hoạch: Vị trí thửa đất do BQL thôn D giao không đúng thẩm quyền cho gia đình ông B, ông M là một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 11 thuộc quy hoạch

khu dân cư nông thôn, chưa có quy hoạch chi tiết đến từng thửa đất. Về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất: Căn cứ khoản 5, Điều 23, Nghị Định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ 02 trường hợp này được BQL thôn D giao không đúng thẩm quyền từ năm 2016 đến 2018 cho gia đình ông B, ông M không đủ điều kiện để được xem xét công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất theo quy định.

Ngày 11/02/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với B về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại khoản 2, Điều 356 Bộ luật Hình sự. Quá trình bắt bị cáo B đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22, lắp sim số 0961.444.575 và sim số 0392.982.386. Đến ngày 11/5/2022, P, D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ nội dung sự việc như đã nêu trên.

Ngày 12/02/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T T hành khám xét nơi ở của B kết quả không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 85/CTr-VKSTT, ngày 28/10/2022 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2022 đến ngày 02/8/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 34 tháng đến 40 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 32 tháng đến 38 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực đất đai với thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn T M số tiền 390.000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B số tiền 200.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường cho ông Nguyễn T M số tiền 390.000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B số tiền 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn T M và ông Nguyễn Thế B có quyền liên hệ với Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T để nhận lại số tiền trên.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Năm 2016, Nguyễn Văn B (là Bí thư kiêm Trưởng thôn D từ năm 2011 đến năm 2020); Nguyễn Văn P (là Kế toán từ năm 2012 đến năm 2020); Nguyễn Văn D (là Thủ quỹ từ năm 2011 đến năm 2018) đã giao đất trái thẩm quyền 138 m^2 đất là một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 11 (đất sân kho) thuộc thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B cho ông Nguyễn Thế B 50 m^2 đất và ông Hoàng T M 88m^2 đất. Thu số tiền 590.000.000 đồng. Đối với 02 hộ dân mua đất nêu trên hiện không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền B dụng đất, gây thiệt hại số tiền 590.000.000 đồng Số tiền này đã nhập quỹ thôn D, xã D. Hiện, Ban quản lý thôn mới đang giữ số tiền này. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Xét thấy Cáo trạng số: 85/CTr-

VKSTT, ngày 28/10/2022 của VKSND huyện T đã truy tố các bị cáo là đúng như tội danh và điều luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức; làm cho các cơ quan tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng P ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn bởi vì: Thực hiện chủ trương nông thôn mới, để làm đẹp đường thôn D, xã D với vai trò là Bí Thư - Trưởng thôn D, B đã họp đã tổ chức cuộc họp Chi bộ, Dân chính đảng và ra Nghị quyết thống nhất mở rộng đường lấn vào phần diện tích đất ở nhà ông B và ông M. Thuyết phục ông B và ông M đồng ý phương án mở rộng đường và thỏa thuận giao bán đất sân kho thôn D để nối vào phần đất còn lại của nhà ông M và ông B. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Xét thấy trong vụ án, bị cáo B là người có vai trò chính nên bị cáo B phải chịu hình phạt cao hơn và tiếp theo là bị cáo P và bị cáo D.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng quy định tại khoản; Xét thấy, cần cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực đất đai với thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù để các bị cáo nhận thức được tính nghiêm M của pháp luật.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên tại CQĐT và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đều khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều lần đầu phạm tội, không vì mục đích tư lợi cá nhân; trong quá trình điều tra bị cáo B và P mỗi người tự nguyện nộp 100.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; trong quá thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo Diện đã tự nguyện nộp 50.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D và bị cáo P sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, biết không thể trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật nên đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T đầu thú nên bị cáo D và bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo B được UBND huyện T

tặng Giấy khen hộ nông dân làm kinh tế giỏi, Ban chỉ huy quân sự huyện T tặng Giấy khen do đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong P trào thi đua quyết thắng năm 2010, Đảng bộ xã D tặng Giấy khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bí thư, trưởng thôn D năm 2014, 2015, Giấy khen tặng cho đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, Ban chấp hành huyện Đoàn huyện T tặng giấy khen do đã hoàn thành xuất sắc trong công tác Đoàn năm 2001 - 2006, Ban chỉ huy quân sự huyện tặng giấy khen chiến sỹ giỏi năm 2005, UBND xã D tặng giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác quốc P an ninh giai đoạn 2004 - 2008, trong giai đoạn làm bí thư từ 2016 đến 2018, bị cáo B đều được tặng thưởng giấy khen cho tập thể và cá nhân trong chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh và đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bố đẻ bị cáo được tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng 3. Đối với bị cáo D được Ban chấp hành đảng bộ xã D ngày 28/12/2018 và UBND xã D tặng giấy khen, có bố là đẻ là thương binh hạng 4/4, là người đang thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Văn Phương. Đối với bị cáo P được tặng giấy khen của UBND xã D ngày 28/02/2012, ngày 20/3/2014, ngày 27/01/2015, ngày 24/12/2015 và ngày 06/01/2017 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên, công tác huấn luyện dân quân tự vệ và công tác khi hoạt động ở Ban quản lý thôn D, xã D; ngoài ra các bị cáo còn tác động Ban quản lý thôn D, xã D nộp số tiền 340.000.000 đồng còn lại nhằm để bồi thường, khắc phục cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo nêu trên; xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Xét thấy, các bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên HĐXX Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo quy định tại Điều 54 BLHS để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Liên quan trong vụ án này còn có:

Đối với bà Phan Thị Thảo là thủ quỹ thôn D từ năm 2018 - 2020. Quá trinh điều tra xác định: Ban quản lý thôn đã bán đất, giao đất cho ông B và ông M xong từ năm 2016. Đến năm 2018, bà Thảo tham gia BQL thôn có ký vào phiếu thu tiền nhà ông Binh và ông M tổng số tiền 480.000.000 đồng. Bị cáo B, P là người thu tiền và sau đó bà Thảo ký vào phiếu thu. Bà Thảo không biết việc chủ trương bán đất, không tham gia vào việc giao đất mà chỉ ký vào phiếu thu theo chỉ đạo của bị cáo B để hợp lý hóa phiếu thu tiền, bà Thảo không thu tiền. Vì vậy, Cơ quan CSĐT

Công an huyện T không xem xét xử lý đối với bà Phan Thị Thảo là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn Huấn và ông Trần Đức Kiên có tham gia giao đất cho gia đình ông B và ông M. Quá trình điều tra xác định ông Huấn tham gia giao đất theo chỉ đạo của BQL thôn D, có tham gia họp nhưng không phải là người có quyết định việc bán đất và không tham gia thu tiền bán đất. Ông Kiên khai nhận không biết việc bán đất trái thẩm quyền của BQL thôn D, không tham gia thu tiền. Ngoài ra, việc giao đất cho ông B và ông M không có biên bản. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không xem xét xử lý đối với ông Huấn và ông Kiên là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Dương Công Hiên: Bị cáo B khai nhận quá trình BQL thôn D bán đất cho ông B và ông M có báo cáo bằng miệng với ông Hiên và ông Hiên đồng ý với việc bán đất này. Quá trình điều tra, ông Hiên khai nhận B không báo cáo gì ông về việc bán đất trái thẩm quyền này. Cơ quan điều tra T hành đối chất giữa bị cáo B và ông Hiên nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Ngoài lời khai của bị cáo B không còn tài liệu chứng cứ gì. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ xem xét xử lý với ông Hiên là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn Thục là Phó bí thư chi bộ giai đoạn năm 2013 đến năm 2018, ông Nguyễn Văn Quyết - Phó bí thư chi bộ thôn D giai đoạn năm 2018 đến năm 2020: Quá trình điều tra xác định ông Quyết và ông Thục có tham gia họp nội dung giao bán đất cho ông B và ông M. Tuy nhiên, ông Quyết và ông Thục không phải là chủ trì cuộc họp, không tham gia thu tiền, không tham gia giao đất cho ông B, ông M. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý với ông B và ông M là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Đối với nội dung thu chi tài chính thôn D năm 2011 - 2020: UBND xã D đã thành lập tổ kiểm tra và kết luận yêu cầu BQL thôn D giai đoạn 2011 đến 2020 phải nộp lại số tiền 1.452.863.000 đồng. Đến ngày 25/12/2020, bị cáo B và P đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền này. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý đối với nội dung này là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Đối với nội dung BQL thôn D ứng số tiền 2.300.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thanh Tuấn thi công đường giao thông và cải tạo so làng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T T hành làm việc với P Tài chính kế hoạch huyện T kết quả: Công trình xây dựng đường giao thông, cải tạo ao làng thôn D được Công ty cổ phần đầu tư ngân hàng Công Thương tài trợ vốn và do nhà tài trợ trực tiếp dự án không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng luật đấu thầu, không thuộc đối tượng quản lý vốn theo quy định của Pháp luật về đầu tư công và luật ngân sách nhà nước nên

không vi phạm về Luật đấu thầu. Hơn nữa, số tiền này, UBND xã D, huyện T đã tổ chức họp và yêu cầu Công ty TNHH Thanh Tuấn hoàn trả lại cho BQL thôn D. Vì vậy, không có dấu hiệu tội phạm đối với nội dụng này nên HĐXX không xem xét.

Đối với nội dung quỹ an sinh do Công ty cổ phần đầu tư thương mại ngân hàng Công thương Việt Nam hỗ trợ 21.000.000.000 đồng cho UBND xã D: Quá trình điều tra xác định đây là quỹ an sinh xã hội, mục đích duy trì số tiền gốc, phát sinh lãi chi trả an sinh cho các cụ người cao tuổi tại xã D, huyện T, tỉnh B. Kết quả điều tra xác định: UBND xã D đã thành lập ban quản lý quỹ, quản lý B dụng quỹ theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư, duy trì số tiền gốc phát sinh lãi chỉ trả quỹ an sinh cho người cao tuổi. Vì vậy không có dấu hiệu tội phạm đối với nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đều không yêu cầu Ban quản lý thôn D, huyện T phải trả số tiền mà các bị cáo đã thu tiền bán đất cho ông M và ông B nhập vào quỹ của Ban quản lý thôn D, xã D nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với các bị cáo gây thiệt hại cho ông Hoàng T M 390.0000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B 200.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho các bị hại là 590.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo chưa bồi thường cho ông M và ông B nên cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Hoàng T M 390.0000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 12/8/2022 tại CQĐT Công an huyện T bị cáo B và bị cáo P mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp 100.000 đồng và số tiền trên CQĐT huyện T đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Uỷ nhiệm chi ngày 10/12/2022; bị cáo D đã tự nguyện nộp 50.000.000 đồng theo biên lai thu tiền AA/2021/004273 ngày 09/02/2023. Toàn bộ số tiền trên các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả thiệt hại do các bị cáo gây ra. Ngày 20/02/2023 Ban quản lý thôn D, xã D do ông Nguyễn Văn Định - Trưởng thôn đã tự nguyện nộp 340.000.000 đồng theo biên lai thu tiền AA/2021/004279 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để khắc phục hậu quả cho các bị cáo nên được xác định số tiền này là của các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả. Xác nhận các bị cáo nộp đủ số tiền 590.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại. Ông M và ông B liên hệ với Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện T để nhận lại số các bị cáo đã bồi thường.

Đối với số tiền 340.000.000 đồng do Ban quản lý thôn D, xã D do ông Nguyễn Văn Định - Trưởng thôn làm đại diện đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 20/02/2023 thay các bị cáo để khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; Xét thấy, số tiền này nằm trong số tiền các bị cáo đã thu được từ tiền bán đất trái thẩm quyền cho ông M và ông B. Do vậy, Ban quản lý thôn

D, xã D không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22, lắp sim số 0961.444.575 và sim số 0392.982.386 do CQĐT Công an huyện T thu giữ của bị cáo B; xét thấy chiếc điện thoại này không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan CSĐT công an huyện đã trả bị cáo B là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét. Đối với 200.000.000 đồng mà bị cáo B và bị cáo P nộp ngày 12/8/2022 tại CQĐT Công an huyện T và số tiền trên CQĐT huyện T đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Uỷ nhiệm chi ngày 10/12/2022; Xét thấy, trong số tiền trên thì mỗi bị cáo nộp số tiền 100.000.000 đồng nhằm khắc phục bồi thường cho bị hại nên được giữ lại để trả bị hại.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

* Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2022 đến ngày 02/8/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 34 (ba mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 32 (ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực đất đai với thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn T M số tiền 390.000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B số tiền 200.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường cho ông Nguyễn T M số tiền 390.000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B số tiền 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn T M và ông Nguyễn Thế B có quyền liên hệ với Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T để nhận lại số tiền trên.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
(án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Xuân Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đình Quế	**Nguyễn Văn Đức**	**Phạm Xuân Hà**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2023;

Tại: Trụ sở TAND huyện T, tỉnh B.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Nguyễn Văn Đức.

T hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B.

Bị cáo **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B.

Bị cáo **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ". *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

2. Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2022 đến ngày 02/8/2022. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 34 (ba mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 32 (ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực đất đai với thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn T M số tiền 390.000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B số tiền 200.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường cho ông Nguyễn T M số tiền 390.000.000 đồng và ông Nguyễn Thế B số tiền 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn T M và ông Nguyễn Thế B có quyền liên hệ với Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T để nhận lại số tiền trên. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. *Biểu quyết nhất trí: 3/3.*

6. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 50 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quế **Nguyễn Văn Đức** **Phạm Xuân Hà**